



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ
BAN CHỈ ĐẠO OCOP

**HỒ SƠ SẢN PHẨM OCOP
THAM GIA ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG NĂM 2023**



TC DURIAN
All be successful

Tên sản phẩm	Sầu riêng tươi
Chủ thể sản phẩm	Hợp tác xã SX – TM – DV Sầu riêng Thành Công
Đại diện	Bùi Quang Tiến
Giấy ĐKKD	5801499887
Địa chỉ	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, Lâm Đông
Số điện thoại	0967406680

Lâm Hà, ngày 10 tháng 11 năm 2023

**BIỂU SỐ 1: PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG SẢN PHẨM
OCOP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ

**Tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP của tỉnh
Lâm Đồng năm 2023**

1. Thông tin về đơn vị đăng ký:

- Tên đơn vị: Hợp tác xã sản xuất – thương mại – dịch vụ sầu riêng Thành Công.
- Họ tên người đại diện pháp lý: Bùi Quang Tiến.
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Địa chỉ liên hệ: Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.
- Điện thoại: 0967 60 44 80. Email: sauriengthanhcong@gmail.com

2. Tên sản phẩm: Sầu riêng tươi.

3. Nhóm sản phẩm đăng ký (Ngành, Nhóm, Phân nhóm¹): Thực phẩm.

4. Lần đăng ký đánh giá: Lần đầu.

5. Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (bản gốc, bản điện tử).
- Sản phẩm mẫu (số lượng): (đã có kết quả kiểm định Đạt).

Cam đoan những thông tin trong Phiếu đăng ký là đúng sự thật, chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định của Chương trình OCOP về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và pháp luật về Hồ sơ đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm.

Liên Hà, ngày 01 tháng 11 năm 2023.

Hợp Tác Xã SX – TM – DV Sầu Riêng Thành Công
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Quang Tiến

**PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP
CẤP HUYỆN**

Phiếu số:..... -/PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã huyện) - (Năm)

Ngày nhận: Ngày 8/11/2023

Người tiếp nhận: Roda Bup

Chữ ký: Bup

Cơ quan tiếp nhận
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Bà Yeu

DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP TỈNH

Phiếu số:-..... /PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã huyện) - (Năm)

Ngày nhận:

Người tiếp nhận:

Chữ ký:

Cơ quan tiếp nhận
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 2: BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ SẢN PHẨM
(Dành cho chủ thể có sản phẩm đăng ký)

Phần I
THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên chủ thể:** Hợp Tác Xã SX – TM – DV Sầu Riêng Thành Công.
2. **Loại hình tổ chức:** Hợp tác xã nông nghiệp.
3. **Địa chỉ:** Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.
4. **Điện thoại:** 0967 40 66 80; Email: sauriengthanhcong@gmail.com
5. **Tên người đại diện pháp luật:**
 - Họ và tên: Bùi Quang Tiến.
 - Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh.
 - Địa chỉ thường trú: Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.
6. **Ngày thành lập/đăng ký kinh doanh:** 22/03/2023. Giấy đăng ký kinh doanh số: 5801499887
7. **Tên sản phẩm/dịch vụ, mô tả về quy cách sản phẩm, tiêu chuẩn:**
 - Tên sản phẩm: Sầu riêng tươi.
 - Quy cách sản phẩm, tiêu chuẩn sản phẩm:
Giống Monthong (Thái) chiếm 70% diện tích trồng, Giống Ri6 chiếm 10 diện tích trồng, Giống Musang King chiếm 20% diện tích trồng. Tiêu chuẩn sản phẩm:
 - + Trọng lượng: 3 - 4.5 kg/quả.
 - + Đường kính quả: 35 - 45cm.
 - + Đóng gói 06 quả /thùng có tem dán cuống cho từng quả (logo TC DURIAN).
 - + Kết quả phân tích mẫu sầu riêng tươi tại Trung tâm phân tích, Viện nghiên cứu hạt nhân ngày 22/09/2023.

T/T	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	Chlorpyrifos	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	QTTPF-13 (2020) Ref.EURL-FV (2010-M4)
2	Indoxacarb	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	
3	Methidathion	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	
4	Permethrin	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	
5	Deltamethrin	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	
6	Fenpropathrin	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	
7	Cypermethrin	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	
8	Chlofenapyr	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	
9	Thiamethoxam	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	
10	Triadimefon	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	
11	Endosulfan	mg/kg	KHP(LOQ=0,01)	

+ Kết quả kiểm định mẫu sầu riêng tươi tại Trung tâm kiểm nghiệm thuốc công ty TNHH Khoa học TSL ngày 26/09/2023.

STT	Chỉ tiêu Thử nghiệm		Kết quả	Đơn vị	GHPH/LOD	Phương pháp thử
1	LS	Escherichia Coli	Không phát hiện	CFU/g	10	TCVN-7924-2 2008 (ISO 16649-2 2001)
2	LS	Salmonella ssp	Không phát hiện	/25g	-	ISO 6571-1 2017
3	LS	Chì	Không phát hiện	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27 2021

Đánh dấu (✓) vào mục tương ứng:

a) Giấy đăng ký kinh doanh: ☒

Giấy chứng nhận HTX số: 5801499887 cấp ngày 22/03/2023 bởi Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc UBND huyện Lâm Hà.

b) Đã công bố chất lượng cơ sở: ☐

c) Đã có các điều kiện sản xuất theo quy định:

- Giấy đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật cho sản xuất sản phẩm: ☐

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất bắt buộc theo quy định cho sản phẩm (đối với các sản phẩm bắt buộc theo quy định): ☐

d) Đã có đăng ký sở hữu trí tuệ: ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu: ☐

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận: ☐

- Giấy chứng nhận đăng ký kiểu dáng công nghiệp: ☐

- Khác (ghi rõ):..... ☐

8. Lịch sử hình thành của chủ thể (nêu các giai đoạn hình thành và phát triển):

- Bắt đầu trồng sầu riêng từ những năm 2008 - 2009 với ý định đa dạng hóa cây trồng và nâng cao thu nhập. Thời gian đầu lấy giống từ công ty Donatex Đồng Nai. Thời gian đầu, do thiếu kỹ thuật nên số lượng cây chết, cây còi còn chiếm một nửa số lượng đã trồng.
- Đã có thu vào những năm 2015 nhưng do thiếu kỹ thuật và chưa chuyên canh nên sản lượng thấp, trái còi và sâu bệnh nhiều. Một số hộ đã chặt bỏ sầu riêng để trồng cây ngắn ngày như dâu nuôi tằm và cây dài ngày như cà phê, tiêu...
- Những năm 2016 – 2020, các nông hộ của HTX tập trung nghiên cứu các ứng dụng khoa học từ kinh nghiệm của nông dân miền Tây nam bộ, các hộ trồng sầu riêng của huyện Di Linh, Đạ Huai... và đã có thành công nhất định.
- Giai đoạn 2020 – 2022 vườn sầu riêng của các hộ tại thôn Sinh Công, xã Liên Hà và thôn Kon pang, xã Tân Thanh đã có thu, sản lượng không thua kém các

hộ thành công của địa bàn tỉnh Lâm Đồng với sản lượng cho thu từ 200 – 300kg/cây trưởng thành.

- Với nhận định cần nâng cao chất lượng và sản lượng sầu riêng để có sức cạnh tranh trong môi trường cạnh tranh căng thẳng hiện tại, 13 hộ nông dân thuộc địa bàn xã Liên Hà và Tân Thanh, huyện Lâm Hà đã họp bàn và thành lập HTX sầu riêng vào tháng 03/2023.
- Ngay năm đầu tiên thành lập, với sự hỗ trợ của chính quyền, với sự nhiệt tình trao đổi và quản lý thống nhất về phương pháp chăm sóc, canh tác sầu riêng, mùa vụ 2023 là mùa vụ thành công nhất của HTX Thành Công. Sản lượng đã tăng hơn 50%. Thu nhập từng hộ đã tăng từ 30 -60% trên vườn sầu riêng của gia đình. Số lượng cây cho trái đã tăng 30%. Diện tích trồng mới tăng 40%.

9. Cơ cấu tổ chức của chủ thể gồm:

Cơ cấu tổ chức của Hợp Tác Xã SX – TM – DV Sầu Riêng Thành Công gồm: Hội đồng thành Viên, Hội Đồng quản trị, Ban giám đốc, Kiểm soát viên; nhiệm vụ của từng thành phần:

9.1. Đại hội thành viên

Đại hội thành viên là cơ quan quyền lực cao nhất của HTX. Đại hội thành viên gồm đại hội thành viên thường niên và đại hội thành viên bất thường. Đại hội thành viên được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội thành viên có trách nhiệm thông qua báo cáo của HĐQT và ban Giám đốc, xác định đường hướng kinh doanh, bầu, bãi miễn nhiệm HĐQT, phân phối thu nhập và xử lý các khoản lãi lỗ của HTX.

9.2. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị HTX là cơ quan quản lý HTX do Hội nghị thành lập hoặc Đại hội thành viên bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch, phó Chủ tịch và thành viên. HĐQT có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội thành viên, bầu, bãi miễn nhiệm ban GD HTX.

9.3. Giám đốc hợp tác xã

Là người điều hành hoạt động của HTX, tổ chức thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh của HTX, thực hiện nghị quyết của đại hội thành viên, quyết định của Hội đồng quản trị, trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính hằng năm.

9.4. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên hoạt động độc lập, kiểm tra và giám sát hoạt động của HTX theo quy định của pháp luật và điều lệ. Kiểm soát viên do đại hội thành viên bầu trực tiếp trong số thành viên HTX theo thể thức bỏ phiếu kín.

Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên: 05 năm.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tổ chức vùng nguyên liệu, công nghệ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói sản phẩm của chủ thể:

- HTX Thành Công đã hình thành vùng nguyên liệu tập trung trên địa bàn hai xã Liên Hà và Tân Thanh của huyện Lâm Hà. Đã có 03 vùng trồng được đăng ký mã vùng trồng với tỉnh Lâm Đồng, mỗi vùng trồng có diện tích tối thiểu 10 ha sầu riêng đang thu. HTX sẽ tiếp tục đăng ký 10 mã vùng trồng cho các hộ xã viên còn lại.

- Giống sầu riêng chủ lực của HTX là Monthong, chiếm 70% diện tích trồng. Giống Ri6 chiếm 10 % diện tích đã trồng. MusangKing là giống sầu HTX bắt đầu trồng nhiều hơn, hiện chiếm 10% diện tích trồng, sắp tới sẽ tăng lên 20% diện tích trồng.

- HTX xây dựng vùng nguyên liệu là toàn bộ khu vực phía nam huyện Lâm Hà bao gồm các xã Liên Hà, Đan Phượng, Tân Hà, Hoài Đức, Tân Thanh...dựa vào mối quan hệ của HTX với các hộ sản xuất sầu riêng tại địa bàn.

- HTX từng bước áp dụng công nghệ tự động hóa trong sản xuất. Hiện đã chủ động được việc kiểm tra chất lượng đất, nước tự động; tưới tiêu tự động; bón phân tự động...HTX cập nhật các ứng dụng mới nhất về công nghệ trồng và chăm sóc sầu riêng từ các chuyên gia công nghệ cây trồng mà HTX đang có quan hệ.

- Sản phẩm sầu riêng tươi của HTX được sản xuất theo quy trình: Cắt trái, phân loại tại vườn, vệ sinh trái, dán nhãn mác lên từng trái, đóng 4-6 trái/01 thùng carton và xuất cho các đơn vị thu mua.

- Các sản phẩm sầu riêng tươi HTX thu mua từ các vùng lân cận trong huyện Lâm Hà được thẩm định về chất lượng và mẫu mã ngay tại vườn. Phân loại và dán nhãn mác thu mua sau khi sơ chế tại cơ sở của HTX.

2. Sự thay đổi về chất lượng sản phẩm: chất lượng, tiêu chuẩn chất lượng, bao bì, nhãn mác, hình thức đóng gói,...:

- Sản phẩm của HTX đã có thay đổi rõ rệt trong những năm qua. Về chất lượng, HTX đã chủ động sản xuất được trái sầu riêng tròn đều, trọng lượng phù hợp xuất khẩu, độ ngọt phù hợp, cơm trái đều và kích thước đạt tiêu chuẩn thu mua.

- HTX đã có chứng nhận VietGap số VIETGAP - 45/TN – TĐC – 68 - 0031 cho 1 vườn rộng 3.5 ha vào ngày 01/12/2022. Hiện HTX đang tiến hành làm 03 chứng nhận VietGap trong năm 2023. HTX đang thiết kế bao bì và nhãn mác riêng.

3. Thị trường phân phối sản phẩm:

Hiện tại, thị trường phân phối của HTX đang là thị trường nội địa. HTX đang liên hệ với các đơn vị xuất khẩu sầu riêng để tiến hành xuất chính ngạch sản phẩm sang thị trường Trung Quốc, Úc, Mỹ...

4. Kết quả sản xuất, kinh doanh: doanh thu, lợi nhuận:

Kết quả năm 2022, doanh thu của HTX hiện tại khoảng 150 tấn/năm với giá trị khoảng 7.5 tỷ đồng/năm. Lợi nhuận khoảng 50% trên doanh thu.

Phần III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO BỘ TIÊU CHÍ SẢN PHẨM OCOP

- Căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tương ứng với sản phẩm đăng ký, chủ thể tự đánh giá sản phẩm sầu riêng đạt 53 điểm, đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá sản phẩm OCOP (có bảng điểm kèm theo).

- Tài liệu minh chứng chất lượng sản phẩm theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Giấy đăng ký kinh doanh số 5801499887 cấp ngày 22/03/2023 bởi Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc UBND huyện Lâm Hà.	Đính kèm bản sao
2	Giấy chứng nhận VietGap số: 45/CN-TDC. Cấp ngày 01/12/2022 bởi Công ty cổ phần giám định cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu (CAFECONTROL)	Đính kèm bản sao
3	Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm sầu riêng của các thành viên HTX sầu riêng Thành Công số: 001/2023/TTHTXTC ngày	Hợp đồng liên kết.
4	Bảng công bố quy chuẩn sản phẩm số: 002/Thành Công/2023 ngày 01/11/2023 Hợp Tác Xã SX – TM – DV Sầu Riêng Thành Công.	Bảng chính.
5	Đăng ký bảo vệ môi trường số: 003/Thành Công/2023 ngày 01/11/2023 của Hợp Tác Xã SX – TM – DV Sầu Riêng Thành Công.	Bảng chính.
6	Mã truy suất sản phẩm (mã QR Code).	 
7	Hợp đồng kế toán số 01/HĐLĐPKT ngày 01/5/2023 của Hợp Tác Xã SX – TM – DV	Bảng chính.

	Sầu Riêng Thành Công.	
8	Câu chuyện sản phẩm của Hợp Tác Xã SX – TM – DV Sầu Riêng Thành Công	Video về sản phẩm sầu riêng quả tươi (5 phút)

Phần IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Kế hoạch ngắn hạn của HTX:

- Nâng sản lượng của HTX tăng lên 50% vào năm sau, tức sẽ đạt hơn 200 tấn vào năm 2024.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng trên từng sản phẩm. Tiến tới đạt tỷ trọng quả đạt trên 80% tổng quả thu hoạch.
- Kết nạp thêm 05 thành viên vào năm 2023 – 2024.
- Áp dụng các tiến bộ khoa học vào canh tác nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào thời tiết và công lao động của con người.

2. Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2024 - 2026

- Mở rộng liên kết với các nhà vườn ngoài HTX để tăng diện tích trồng sầu riêng, sản lượng sản xuất của HTX.
- Bắt đầu tiến hành hoạt động thu mua, thương mại sầu riêng.
- Sản xuất sầu riêng đông lạnh – sầu riêng sấy khô để bán thị trường trong nước.
- Thiết lập các vườn chuyên canh sầu riêng.

3. Kế hoạch dài hạn

- Nâng cấp sản phẩm sầu riêng đông lạnh – sầu riêng sấy khô để xuất khẩu sang thị trường Âu – Mỹ.
- Nâng cao diện tích trồng sầu riêng tiến tới chủ động về nguồn nguyên liệu và chất lượng sản phẩm.
- Mở rộng hoạt động sang lĩnh vực du lịch canh nông.

Liên Hà, ngày 01 tháng 11 năm 2023.

Hợp Tác Xã SX – TM – DV Sầu Riêng Thành Công
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Quang Tiến

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:002./Thành Công/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: HTX Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ sầu riêng Thành Công

Địa chỉ: Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0967406680 Fax:

E-mail: sauriengthanhhong@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 5801499887

Kiểm định chất lượng quả sầu riêng tươi giống Monthong (Thái) mã số : 230919/2/0263-1 cấp ngày 22/09/2023 bởi Trung tâm phân tích thuộc Viện nghiên cứu hạt nhân.

Kết quả thử nghiệm sầu riêng tươi giống Monthong (Thái) có Mã số: Ref. No 1X26711398; Mã KQ/RP. No: 001031249.00. Kiểm định ngày 26/09/2023 CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sầu riêng tươi Thành Công giống Monthong (Thái)

2. Thành phần: Quả tươi, thịt quả, hạt.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 1 năm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: 6 quả / thùng carton

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- TCVN5613 - 2013

- TCVN 10706:2015.

- TCVN 5253.

- TCVN 9723:2013

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Liên Hà, ngày 01 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Bùi Quang Tiến

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số: 5801499887

Đăng ký lần đầu, ngày 22 tháng 3 năm 2014

Quyển số.....-SCT/.....
Ngày.....tháng.....năm 2014
CHỦ TỊCH UBND XÃ LIÊN HÀ

1. Tên hợp tác xã

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SÀU RIÊNG THÀNH CÔNG**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên hợp tác xã viết tắt: HTX SX - TM - DV SÀU RIÊNG THÀNH CÔNG

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Sinh Công, Xã Liên Hà, Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 0967406680

Fax:

Email: sauriengthanhcong@gmail.com Website: <https://tcdurian.com>

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng cây ăn quả Sầu riêng	0121 (chính)
2	Bán buôn thực phẩm Sầu riêng, các sản phẩm từ sầu riêng	4632
3	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
5	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
6	Chăn nuôi khác Nuôi yến	0149
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8	Đại lý du lịch Du lịch canh nông	7911
9	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
10	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079

4. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Hai tỷ đồng)



CAFECONTROL

GIẤY CHỨNG NHẬN

TCVN 11892-1:2017

(Thực hành nông nghiệp tốt tại Việt Nam - VietGAP Trồng Trọt)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

CAFECONTROL

Mã số đăng ký: 45/CN-TĐC

CHỨNG NHẬN

Cơ sở sản xuất /sơ chế

: HỘ SẢN XUẤT BUI QUANG TIẾN

Địa chỉ

: Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại

: 0963.856.771

Email/ Website

: _____

Mã số chứng nhận VietGAP

: VIETGAP- 45/CN-TĐC-68-0031

Địa điểm sản xuất/sơ chế

: Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm

: Quả (Sầu riêng)

Diện tích sản xuất/sơ chế

: 3.5 ha

Sản lượng dự kiến

: 75 (tấn/năm)

Chứng nhận sản phẩm được sản xuất/sơ chế phù hợp theo TCVN 11892 - 1:2017 - Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam (VietGAP) - Phần 1: Trồng Trọt.

Giấy chứng nhận có giá trị đến ngày: 01/12/2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 01 tháng 12 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN



Lê Hồng Vinh

CAFECONTROL được công nhận đạt chứng chỉ ISO/IEC 17065:2012 bởi Bureau of Accreditation of Vietnam - BoA. Được Bộ khoa học công nghệ, Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp đăng ký lĩnh vực chứng nhận VietGAP Trồng Trọt. Chứng nhận này là sở hữu của CafeControl và có thể thu hồi trong trường hợp hết thời hạn như nêu trong hợp đồng, hoặc trong trường hợp có sự thay đổi khác biệt về số liệu đã được nêu trên đây. Bên được cấp giấy chứng nhận có nghĩa vụ thông báo cho CafeControl ngay lập tức về bất cứ thay đổi nào đối với những số liệu ghi trên đây. Chỉ giấy chứng nhận gốc và có chữ ký mới có hiệu lực.

228A Pasteur – Phường 6 – Quận 3 – TP. Hồ Chí Minh, Tel: 84.8.38207552 - Email: cafecontrol@hcm.fpt.vn

Ver 02.01.08-2018

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

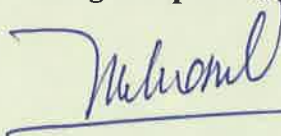
Trang: 1/1

Mã số : 230919/2/0263-1

- 1 Đơn vị (người) gửi mẫu **Hợp Tác Xã Sản Xuất-Thương Mại- Dịch Vụ Sầu Riêng Thành Công**
2 Địa chỉ **Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, Lâm Hà, Lâm Đồng**
3 Tên/ Mã số mẫu **Quả sầu riêng thái**
4 Khối lượng mẫu **0,25 kg** 5.Số lượng mẫu **01**
6 Mô tả mẫu
7 Ngày nhận mẫu **19/09/2023** 8.Ngày trả kết quả **22/09/2023**
9 Kết quả thử nghiệm

T/T	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	Chlorpyrifos*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	QTTTPT-13 (2020) Ref.EURL-FV (2010-M4)
2	Indoxacarb*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
3	Methidathion	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
4	Permethrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
5	Deltamethrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
6	Fenpropathrin*	mg/kg	KPII (LOQ=0,01)	
7	Cypermethrin*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
8	Chlofenapyr*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
9	Thiamethoxam	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
10	Triadimefon*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	
11	Endosulfan*	mg/kg	KPH (LOQ=0,01)	

Giám đốc
Trung tâm phân tích



Nguyễn Giảng

P.Viện trưởng
Viện Nghiên cứu hạt nhân



Nguyễn Xuân Hải

Trang/ Page No: 1/1

Ngày ban hành/ Date of issue: 26/09/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X26711398

Mã KQ/ RP. No: 001031249.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ SÀU RIÊNG THÀNH CÔNG**
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, Lâm Hà, Lâm Đồng
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 21/09/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 21/09/2023 - 26/09/2023
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c)** : **SÀU RIÊNG**
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong túi nhựa
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
2	LS Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017
3	LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
TIÊU THỤ SẢN PHẨM SÀU RIÊNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HTX SÀU RIÊNG
THÀNH CÔNG.

Số:001/ 2023 /HDHTXTC

Căn cứ vào Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật HTX năm 2012 và các văn bản có liên quan;

Căn cứ vào Điều lệ HTX sàu riêng Thành Công ngày 25/02/2023

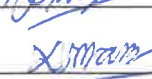
Hôm nay, ngày 23/04/2023 tại Sinh Công, Liên Hà, Lâm Hà, Lâm Đồng.

Chúng tôi gồm:

Bên A: Ban Giám đốc Hợp tác xã Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ sàu riêng Thành Công (sau đây gọi tắt là BGĐ HTX) , được sự ủy quyền của Hội đồng quản trị HTX Thành Công.

Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 5801499887 cấp ngày 22/03/2023 bởi Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc UBND huyện Lâm Hà.

Bên B: 13 thành viên HTX gồm những cá nhân đại diện cho hộ nông dân sau:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chỗ ở hiện tại	Số, ngày, cơ quan cấp CCCD	Ký tên
1	Bùi Quang Tiến	1971	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	033071009544 27/12/2021 - Cục Cảnh sát	
2	Trần Sỹ Nam	1978	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	036078003600 16/03/2017 - Cục Cảnh sát	
3	Bùi Quang Chí	1988	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	033073013747 28/06/2021 - Cục Cảnh sát	
4	Bùi Quang Thuận	1980	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	033080012024 28/06/2021 - Cục Cảnh sát	
5	Đỗ Văn Động	1972	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	033072013361 27/12/2021 - Cục Cảnh sát	
6	Bùi Quang Mậu	1978	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	033078012215 27/12/2021 - Cục Cảnh sát	
7	Nguyễn Dương	1966	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	250910341 03/01/2016 - CA Lâm Đồng	
8	Phùng Xuân Mẫn	1975	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	001075039498 30/6/2022 - Cục Cảnh sát	
9	Bùi Văn Phước	1988	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	036088019411 28/6/2021 - Cục Cảnh sát	
10	Nguyễn Bình Định	1956	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	241857997 9/6/2017 - Cục Cảnh sát	
11	Bùi Tiến Tiệp	1968	Xã Tân Thanh	031068017970 28/6/2021 - Cục Cảnh sát	
12	Lưu Văn Nghĩa	1963	Xã Tân Thanh	250572316 13/10/2017 - CA Lâm Đồng	
13	Bùi Tuấn Anh	1991	Thôn Sinh Công, xã Liên Hà	033091016253 26/05/2022 - Cục Cảnh sát	



Đồng ý ký kết hợp đồng sau:

01. Nội dung thỏa thuận

- Chúng tôi cùng cam kết giao cho BGD HTX việc tìm đầu ra cho sản phẩm của HTX, thỏa thuận giá bán và tiến hành giao dịch với sự thống nhất của toàn bộ các thành viên HTX.
- Các chi tiết về giao dịch, giá bán, sản lượng, quy cách, thời gian giao hàng, thanh toán sẽ được quy định tại Hợp đồng chi tiết của BGD HTX với từng hoặc các thành viên HTX.

02. Các công việc chi tiết

- BGD HTX thường xuyên kiểm tra công tác chăm sóc cây, đặc biệt thời điểm cây làm bông và cho trái non.
- BGD HTX liên hệ với các đơn vị tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu cho các thành viên và tiến hành thẩm định vườn của các thành viên trước khi thỏa thuận hợp đồng với các đơn vị thu mua.
- Giá cả từng vườn sẽ được quyết định dựa trên sự thỏa thuận của BGD HTX và các đơn vị tiêu thụ, có sự đồng ý của thành viên từng vườn.
- BGD HTX sẽ ký hợp đồng với đơn vị thu mua sản phẩm sầu riêng với chi tiết về sản lượng, quy cách, giá bán của từng vườn hoặc tổng thể.
- Thành phẩm sẽ được thu mua tại vườn của các thành viên với sự giám sát của Ban Giám đốc.

03. Công tác giám sát

- Kiểm soát viên của HTX có trách nhiệm giám sát phần giá cả của các hoạt động cung ứng và tiêu thụ sản phẩm.
- Các thành viên có quyền chất vấn BGD HTX nếu phát hiện thấy biểu hiện bất thường trong các hoạt động cung ứng và tiêu thụ. Mọi chất vấn phải được giải quyết trước khi ký thỏa thuận.
- Các thành viên có quyền đưa ra nguồn tiêu thụ sản phẩm tốt hơn để BGD HTX so sánh và đối chiếu.

04. Các điều khoản khác

- Trong khi thực hiện thỏa thuận này, nếu có phát sinh mâu thuẫn thì hai /các bên giải quyết trên tinh thần hòa giải, tương ái, đoàn kết. Nếu không thể giải quyết được trên tinh thần trên, hai/các bên đưa vấn đề ra Hội đồng quản trị và Hội đồng thành viên để giải quyết.
- Thỏa thuận này được chia thành 14 bản có giá trị như nhau. 13 thành viên lưu giữ mỗi người một bản. Bản lưu sẽ lưu tại HTX.

Các thành viên đồng ý ký tên vào bảng trên

Đại diện Ban Giám đốc



Bùi Quang Tiến



ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
(CÓ XÁC ĐỊNH THỜI HẠN)

Số: 01/HĐLĐPKT

Căn cứ: Bộ luật lao động 45/2019/QH14;

Căn cứ: Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

Căn cứ: Luật bảo hiểm xã hội 58/2014/QH13;

Căn cứ: Thỏa thuận của các bên,

Hôm nay, ngày 01 tháng 05 năm 2023, tại địa văn phòng Hợp tác xã SX-TM-DV Sầu Riêng Thành Công, chúng tôi bao gồm:

BÊN A (BÊN TUYỂN DỤNG): HỢP TÁC XÃ SX-TM-DV SẦU RIÊNG THÀNH CÔNG

Mã số thuế: 5801449887

Địa chỉ: Thôn Sinh Công, Xã Liên Hà, Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Email:

Số điện thoại liên lạc: 0963856771 Fax:.....

Đại diện: Bùi Quang Tiến

Chức danh: Chủ tịch HĐQT

BÊN B (BÊN ĐƯỢC TUYỂN DỤNG):

Bà: Trần Thị Hiền

CMND: 067191011889 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Ngày cấp: 01/03/2023

Địa chỉ: Thôn Tân Đức, Xã Tân Hà, Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Email: hien1706@gmail.com

Số điện thoại liên lạc: 0387387060

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng số 01/HĐLĐPKT với những nội dung sau đây:

Điều 1: Điều khoản chung

1. Loại HĐLĐ: Xác định thời hạn

2. Thời hạn HĐLĐ: 05 năm

3. Thời điểm làm việc từ: ngày 01 tháng 05 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028.

4. Địa điểm làm việc: Văn phòng Hợp tác xã SX-TM-DV Sầu Riêng Thành Công

5. Bộ phận công tác: Phòng tài chính kế toán

6. Chức danh chuyên môn (vị trí công tác): Kế toán trưởng

7. Người trực tiếp quản lý:

3. Do tính chất công việc, nhu cầu kinh doanh hay nhu cầu của tổ chức/bộ phận, Công ty có thể cho áp dụng thời gian làm việc linh hoạt. Những nhân viên được áp dụng thời gian làm việc linh hoạt có thể không tuân thủ lịch làm việc cố định bình thường mà làm theo ca kíp, nhưng vẫn phải đảm bảo đủ số giờ làm việc theo quy định.

4. Thiết bị và công cụ làm việc sẽ được Công ty cấp phát tùy theo nhu cầu của công việc.

Điều kiện an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5: Tiền lương và phụ cấp

1. Tiền lương và phụ cấp:

– Mức lương chính: **6.000.000 VNĐ/tháng**.

– Phụ cấp trách nhiệm: 0 VNĐ/tháng

– Phụ cấp hiệu suất công việc: Theo đánh giá của quản lý.

– Lương hiệu quả: Theo quy định của phòng ban, công ty.

– Công tác phí: Tùy từng vị trí, người lao động được hưởng theo quy định của công ty.

– Tiền lương làm thêm giờ: được tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc đang làm như sau:

+ Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%;

+ Vào ngày nghỉ hằng tuần, ít nhất bằng 200%;

+ Vào ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300%,

2. Hình thức trả lương: Bằng tiền mặt/ chuyển khoản, bằng Việt Nam đồng.

3. Cách thức trả lương

Tiền lương của nhân viên sẽ được chuyển khoản vào thẻ tài khoản riêng của mỗi nhân viên do công ty. Thẻ ngân hàng riêng do công ty cấp trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực và nhân viên cung cấp đầy đủ thông tin công ty yêu cầu.

4. Kỳ hạn trả lương

4.1. Kỳ hạn trả lương: Tiền lương được trả mỗi tháng một lần. Tiền lương được công ty trả trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn cho người lao động căn cứ vào thời gian làm việc thực tế của người lao động trong tháng đó. Trường hợp đặc biệt do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà công ty đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng thời hạn thì không được trả chậm quá 01 tháng.

4.2. Thời điểm trả lương: Ngày hàng tháng. Trường hợp thời điểm trả lương trùng ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định thì được trả vào ngày làm việc tiếp theo.

5. Chế độ nâng lương: Theo quy định của Nhà nước và quy chế tiền lương của Công ty. Người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm kỷ luật và/hoặc không trong thời gian xử lý kỷ luật lao động và đủ điều kiện về thời gian theo quy chế lương thì được xét nâng lương.



– Có quyền đòi bồi thường, khiếu nại với cơ quan liên đới để bảo vệ quyền lợi của mình nếu người lao động vi phạm Pháp luật hay các điều khoản của hợp đồng này.

Điều 8: Chế độ nghỉ

Theo quy định tại Bộ luật lao động 2019

1. Nghỉ hàng tuần: 1,5 ngày (Chiều Thứ 7 và ngày Chủ nhật).
2. Nghỉ hàng năm: Những nhân viên được ký Hợp đồng chính thức và có thâm niên công tác 12 tháng thì sẽ được nghỉ phép năm có hưởng lương (01 ngày phép/01 tháng, 12 ngày phép/01 năm). Nhân viên có thâm niên làm việc dưới 12 tháng thì thời gian nghỉ hằng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số thời gian làm việc.
3. Nghỉ ngày Lễ: Các ngày nghỉ Lễ pháp định. Các ngày nghỉ lễ nếu trùng với ngày Chủ nhật thì sẽ được nghỉ bù vào ngày trước hoặc ngày kế tiếp tùy theo tình hình cụ thể mà Ban lãnh đạo Công ty sẽ chỉ đạo trực tiếp.
4. Khi được sự chấp thuận của Công ty, Bên B có quyền nhận tiền thanh toán cho các ngày nghỉ phép chưa thực hiện trong năm. Trong trường hợp Bên B nghỉ quá số ngày nghỉ được phép, khi chấm dứt Hợp đồng này, Công ty sẽ khấu trừ số tiền của những ngày nghỉ vượt quá vào số tiền thanh toán cho việc thanh lý Hợp đồng với Bên B.
5. Trường hợp nghỉ do ốm đau, bệnh, nếu số ngày nghỉ của Bên B kéo dài đến 10 ngày, bên B phải thông báo kịp thời cho Công ty.

Điều 9: Bảo hiểm

Việc đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, Hai bên sẽ thực hiện đúng các quy định của Pháp luật hiện hành, cụ thể:

1. Công ty sẽ phải trích một khoản tiền bằng 18% tiền lương chính của Bên B để đóng các loại bảo hiểm cho bên B, cụ thể: 3% vào quỹ ốm đau và thai sản; 1% vào quỹ tai nạn lao động, nghề nghiệp; 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất.
2. Bên B phải trích một khoản tiền tương đương với 8% tiền lương của mình để đóng các loại bảo hiểm.

Điều 10: Các chế độ khác

1. Chế độ đào tạo: Theo quy định của Công ty và yêu cầu công việc. Trong trường hợp CBNV được cử đi đào tạo thì nhân viên phải hoàn thành khoá học đúng thời hạn, phải cam kết sẽ phục vụ lâu dài cho Công ty sau khi kết thúc khoá học và được hưởng nguyên lương, các quyền lợi khác được hưởng như người đi làm. Nếu sau khi kết thúc khóa đào tạo mà nhân viên không tiếp tục hợp tác với Công ty thì nhân viên phải hoàn trả lại 100% phí đào tạo và các khoản chế độ đã được nhận trong thời gian đào tạo.
2. Khen thưởng: Người lao động được khuyến khích bằng vật chất và tinh thần khi có thành tích trong công tác hoặc theo quy định của công ty
3. Kỷ luật: Theo quy định của công ty

Điều 11: Bí mật thông tin

ôm đau đã điều trị 06 tháng liền và người lao động làm theo hợp đồng lao động dưới 01 năm ốm đau đã điều trị quá nửa thời hạn hợp đồng, mà khả năng lao động chưa hồi phục. Khi sức khỏe của người lao động bình phục, thì được xem xét để giao kết tiếp hợp đồng lao động.

- Do thiên tai, hỏa hoạn, hoặc những lý do bất khả kháng khác mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc.

- Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức chấm dứt hoạt động.

- Người lao động vi phạm kỷ luật mức sa thải.

- Người lao động có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và lợi ích của Công ty.

- Người lao động đang thi hành kỷ luật mức chuyển công tác mà tái phạm.

- Người lao động tự ý bỏ việc 5 ngày/1 tháng và 20 ngày/1 năm.

- Người lao động vi phạm Pháp luật Nhà nước.

2. Người lao động

2.1. Khi người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trước thời hạn phải tuân thủ theo điều 37 Bộ luật Lao động và phải dựa trên các căn cứ sau:

- Không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm các điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Không được trả công đầy đủ hoặc trả công không đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Bị ngược đãi, bị cưỡng bức lao động.

- Bản thân hoặc gia đình thật sự có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng.

- Được bầu làm nhiệm vụ chuyên trách ở các cơ quan dân cử hoặc được bổ nhiệm giữ chức vụ trong bộ máy Nhà nước.

- Người lao động nữ có thai phải nghỉ việc theo chỉ định của thầy thuốc.

- Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 03 tháng liền mà khả năng lao động chưa được hồi phục.

2.2. Ngoài những căn cứ trên, người lao động còn phải đảm bảo thời hạn báo trước theo quy định. Người lao động có ý định thôi việc vì các lý do khác thì phải thông báo bằng văn bản cho đại diện của Công ty là Phòng Hành chính Nhân sự biết trước ít nhất là 15 ngày.

3. Một Bên được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo cho Bên còn lại trước ba mươi ngày. Nếu việc chấm dứt Hợp đồng của một Bên không do lỗi của Bên còn lại và hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng gây tổn thất, thiệt hại cho Bên còn lại thì Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

988
CÁ
T
HCH V
IG
ÔNG
AM P

khi Hợp đồng này kết thúc, theo đó, nếu chấp thuận Bên B sẽ có xác nhận phản hồi lên văn bản thông báo đó;

2. Trường hợp có bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp Đồng này không thể thực thi hoặc bị vô hiệu do thoả thuận trái với quy định của pháp luật thì các điều khoản, điều kiện còn lại của Hợp Đồng vẫn được đảm bảo thi hành.

Điều 18: Luật áp dụng và cơ quan tài phán

1. Hợp đồng này được xác lập và thi hành theo pháp luật của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

2. Những vấn đề khác liên quan đến *Bên B* nhưng không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng theo các nội quy, chính sách của Công ty

3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp phát sinh các bên giải quyết trên tinh thần hoà giải, thương lượng. Trường hợp thương lượng bất thành, một trong hai bên có quyền khởi kiện ra toà án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

Điều 19: Điều khoản cuối cùng

1. Hợp đồng Lao động này được kí kết tại văn phòng Hợp tác xã SX-TM-DV Sầu Riêng Thành Công, vào ngày 01 tháng 11 năm 2022.

2. Hợp đồng được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2022. Khi hai bên ký phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.



BÊN A

Bùi Quang Tiến

BÊN B

Trần Thị Hiền

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

SAIGON UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF BACHELOR

ACCOUNTING

Upon: Ms

Tran Thi Hien

Date of birth:

17 June 1991

Year of graduation:

2014

Degree classification:

Good

Mode of study:

Full-time

Ho Chi Minh City, 08 April 2014

Reg. No: 3110320080

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

cấp

BẰNG CỬ NHÂN

KẾ TOÁN

Cho: Bà

Trần Thị Hiền

Ngày sinh:

17/06/1991

Năm tốt nghiệp:

2014

Xếp loại tốt nghiệp:

Khá

Hình thức đào tạo:

Chính quy

TP.HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2014



Số hiệu: 708538

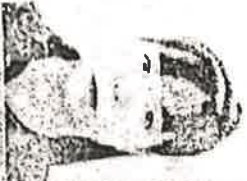
Số vào sổ cấp bằng: 3110320080

PGS.TS. Nguyễn Việt Ngân





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness



CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card

Số / No.: **068191011889**

Họ và tên / Full name: **TRẦN THỊ HIỀN**

Ngày sinh / Date of birth: **17/06/1991**

Giới tính / Sex: **Nữ** Quốc tịch / Nationality: **Việt Nam**

Quê quán / Place of origin: **Hoa Thủy, Lê Thủy, Quảng Bình**

Nơi thường trú / Place of residence: **Thôn Tân Đức**

Tân Hà, Lâm Hà, Lâm Đồng

Có giá trị đến / Valid until: 17/06/2031



PHÂN SÁO

1. Bộ sản phẩm: Rau, củ, quả, hạt tươi
(Sản phẩm: Thực phẩm. Nhóm: Thực phẩm tươi sống)

Tên sản phẩm: Sầu riêng tươi giống Monthong (Thái)

Mã số sản phẩm.(T).-.(H),-.(STT).-2023

T: Mã tỉnh-H: Mã huyện- STT: Số thứ tự sản phẩm do huyện lập thống kê - Năm đánh giá. Mã

Tên chủ thể sản xuất: Hợp Tác Xã SX – TM – DV Sầu Riêng Thành Công.

Số điện thoại: 0967406680

Địa chỉ: Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

Hồ sơ bị loại khi: Giả mạo hồ sơ hoặc không tuân thủ đầy đủ các quy định về giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương); hoặc Hồ sơ tự công bố sản phẩm, ghi nhãn sản phẩm không đúng theo quy định; hoặc không đáp ứng quy định Hồ sơ dự thi theo quy định.

Các tiêu chí	Thang điểm chuẩn (Điểm)	Điểm do chủ sản phẩm tự chấm (Điểm)	Ghi chú
Phần A	40	24	
SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỦA CỘNG ĐỒNG (40 Điểm)			
1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT	18	10	
a) Nguồn gốc sản phẩm	5	5	
<i>Yêu cầu: 100% sản phẩm được trồng trên địa bàn cấp tỉnh</i>			
☐ Sản phẩm được trồng trên địa bàn cấp xã dưới 50%	1		
☐ Sản phẩm được trồng trên địa bàn cấp xã từ 50% đến dưới 75%	3		
☐ Sản phẩm được trồng trên địa bàn cấp xã từ 75% đến 100%	5	5	
b) Gia tăng giá trị	3	1	
☐ Sơ chế (rửa, làm sạch, phân loại, đóng gói...) thủ công	1	1	
☐ Ứng dụng máy móc trong sơ chế, đóng gói sản phẩm	2		

☐ Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sơ chế, bảo quản (nâng cao chất lượng sản phẩm/kéo dài thời gian bảo quản và giữ chất lượng ổn định trong quá trình bảo quản...)*****	3		
c) Năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu phân phối	3	2	
<i>(Khả năng sản xuất đáp ứng nhu cầu về số lượng/quy mô của thị trường, so sánh với quy mô trung bình ở cùng đối tượng sản xuất tại địa phương)</i>			
☐ Có năng lực, quy mô sản xuất mức độ nhỏ	1		
☐ Có năng lực, quy mô sản xuất trung bình****	2	2	
☐ Có năng lực, quy mô sản xuất lớn, có thể đáp ứng thị trường xuất khẩu*****	3		
d) Liên kết sản xuất	3	0	
☐ Không có liên kết hoặc có nhưng không rõ ràng	0		
☐ Có hợp đồng liên kết sản xuất từ 50% đến dưới 75% sản lượng tiêu thụ	1		
☐ Có hợp đồng liên kết trên 75% sản lượng tiêu thụ****	2		
☐ Có hợp đồng liên kết trên 75% sản lượng tiêu thụ và tổ chức thực hiện hợp đồng ổn định từ 12 tháng trở lên*****	3		
đ) Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất	3	1	
☐ Có Hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật và các quy định khác về bảo vệ môi trường****	1	1	
☐ Có Hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và hồ sơ minh chứng về công trình thu gom và xử lý chất thải theo quy định	2		
☐ Có Hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; hồ sơ minh chứng về công trình thu gom và xử lý chất thải theo quy định và hồ sơ minh chứng về sử dụng bao gói thân thiện với môi trường	3		
e) Sử dụng công nghệ theo hướng bền vững trong sản xuất	1	1	

☐ Không sử dụng công nghệ theo hướng bền vững trong sản xuất	0		
☐ Có áp dụng công nghệ theo hướng bền vững môi trường (công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu; hoạt động xử lý/tái chế chất thải; tận thu tái sử dụng, tái chế phụ phẩm nông nghiệp,...)	1	1	
2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM	10	5	
a) Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm	4	3	
☐ Sản phẩm được trồng phổ biến ở nhiều tỉnh, thành phố	0		
☐ Sản phẩm được trồng phổ biến ở nhiều tỉnh, thành phố nhưng có chất lượng nổi trội, khác biệt do điều kiện đất đai, thời tiết, kỹ thuật bản địa	1		
☐ Sản phẩm được trồng ở nhiều nơi trên địa bàn, là sản phẩm đặc trưng của tỉnh, có chất lượng nổi trội	3	3	
☐ Sản phẩm là đặc sản, truyền thống, chỉ sản xuất trên địa bàn của huyện, có chất lượng đặc sắc, thương mại gắn với chỉ dẫn nguồn gốc địa lý ****	4		
<i>Ghi chú: Không đánh giá những sản phẩm có tính phổ biến của nhóm sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh mà không có sự nổi trội và đặc sắc.</i>			
b) Đóng gói, bao bì sản phẩm	3	1	
☐ Đóng gói theo hình thức thông thường, không có bao bì	0		
☐ Đóng gói theo hình thức thông thường, bao bì đơn giản	1	1	
☐ Đóng gói sáng tạo, bao bì đẹp	2		
☐ Đóng gói sáng tạo, tiện lợi, bao bì đẹp, sang trọng*****	3		
c) Phong cách, ghi nhãn hàng hóa	3	1	
☐ Có nhãn, ghi nhãn hàng hóa đầy đủ, theo đúng quy định	1	1	
☐ Ghi nhãn hàng hóa đầy đủ, đúng quy định, thể hiện được thông điệp/câu chuyện sản phẩm	2		

☐ Ghi nhãn hàng hóa đầy đủ, đúng quy định, đẹp, thể hiện được thông điệp/câu chuyện sản phẩm; có truy xuất nguồn gốc điện tử****	3		
3. SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG	12	9	
a) Loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh	3	3	
☐ Hộ gia đình có đăng ký kinh doanh, trang trại, tổ hợp tác (có giấy đăng ký kinh doanh của tổ trưởng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) 1 thành viên, doanh nghiệp tư nhân (DNTN)	1		
☐ Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương <51 %	2		
☐ HTX tổ chức, hoạt động theo Luật HTX 2012 hoặc công ty cổ phần có vốn góp của cộng đồng địa phương $\geq 51\%$	3	3	
b) Đại diện pháp luật của chủ thể là nữ/đồng bào dân tộc thiểu số	1	0	
☐ Đại diện pháp luật của chủ thể không phải nữ/đồng bào dân tộc thiểu số	0		
☐ Đại diện pháp luật của chủ thể là nữ/đồng bào dân tộc thiểu số	1		
c) Sử dụng lao động địa phương	3	3	
☐ Có sử dụng từ 50% đến 75% lao động là người trên địa bàn cấp huyện	1		
☐ Có sử dụng $\geq 75\%$ lao động là người trên địa bàn cấp huyện	3	3	
d) Tăng trưởng sản xuất kinh doanh	2	2	
☐ Hợp tác xã xếp loại trung bình, các loại hình khác có lợi nhuận tăng trưởng dương so với năm trước liền kề	1		
☐ Hợp tác xã xếp loại khá, các loại hình khác có 2 năm liên tiếp tăng trưởng dương về lợi nhuận****	2	2	
đ) Kế toán	1	1	
☐ Không có hoạt động kế toán theo quy định	0		
☐ Có tổ chức công tác kế toán theo quy định	1	1	
e) Sở hữu trí tuệ****	2	0	
☐ Nhãn hiệu sử dụng trên sản phẩm của chủ thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký	1		

☐ Nhãn hiệu sử dụng trên sản phẩm của chủ thể được cấp giấy chứng nhận đăng ký; và sản phẩm có sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý gắn với cộng đồng địa phương (đối với những sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể thì bắt buộc phải sử dụng)	2		
Phần B	25	12	
KHẢ NĂNG TIẾP THỊ (25 Điểm)			
4. TIẾP THỊ	13	6	
a) Khu vực phân phối chính	5	1	
☐ Thị trường trong huyện	1	1	
☐ Thị trường ngoài huyện, có dưới 5 đại diện/đại lý phân phối	2		
☐ Thị trường ngoài huyện, có ≥ 5 đại diện/đại lý phân phối	3		
☐ Thị trường quốc tế (có hợp đồng); hoặc phân phối tại các kênh thương mại hiện đại: siêu thị, thương mại điện tử,... (có hợp đồng và vận hành ổn định ít nhất 6 tháng) *****	5		
b) Tổ chức phân phối	4	3	
(Gồm: Tổ chức kinh doanh, phân phối sản phẩm)			
☐ Không có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	0		
☐ Có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối	1		
☐ Có bộ phận/phòng quản lý phân phối	3	3	
☐ Có bộ phận/phòng quản lý phân phối, có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý	4		
c) Quảng bá sản phẩm	4	2	
☐ Không có hoạt động quảng bá	0		
☐ Có một số hoạt động quảng bá	1		
☐ Có nhiều hoạt động quảng bá, có website của cơ sở/quảng bá trên mạng xã hội, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh	2	2	
☐ Có nhiều hoạt động quảng bá, có website của cơ sở/quảng bá trên mạng xã hội, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh	3		

☐ Có nhiều hoạt động quảng bá, có website của cơ sở/quảng bá trên mạng xã hội hoạt động thường xuyên, có tham gia hoạt động xúc tiến thương mại ngoài tỉnh và quốc tế	4		
5. CÂU CHUYỆN VỀ SẢN PHẨM	12	6	
a) Câu chuyện về sản phẩm	5	2	
☐ Không có câu chuyện, hoặc có nhưng không được tư liệu hóa	0		
☐ Có tài liệu giới thiệu về sản phẩm	1		
☐ Có câu chuyện được tư liệu hóa (có cốt chuyện, nội dung cụ thể)	2	2	
☐ Có câu chuyện được tư liệu hóa, trình bày trên nhãn/tờ rơi	3		
☐ Có câu chuyện được tư liệu hóa, trình bày trên nhãn/tờ rơi và website	4		
☐ Có câu chuyện được tư liệu hóa, trình bày trên nhãn/tờ rơi, website (dưới dạng hình ảnh, clip,...)	5		
b) Trí tuệ/bản sắc địa phương	5	3	
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện, đánh giá nội dung câu chuyện:</i>			
☐ Giống với câu chuyện sản phẩm ở nơi khác	0		
☐ Tương đối giống câu chuyện sản phẩm ở nơi khác, có thay đổi một số yếu tố	1		
☐ Có câu chuyện riêng, gắn với nguồn gốc xuất xứ***	3	3	
☐ Có câu chuyện sản phẩm đặc sắc, mang sắc thái truyền thống, văn hóa và trí tuệ/bản sắc địa phương*****	5		
c) Cấu trúc câu chuyện	2	1	
<i>Chỉ áp dụng khi có câu chuyện</i>			
☐ Đơn giản	0		
☐ Có đầy đủ các yếu tố của câu chuyện sản phẩm	1	1	
☐ Ngắn gọn, súc tích và có các thông điệp đặc sắc về sản phẩm/văn hóa/trí tuệ/bản sắc địa phương*****	2		
Phần C	35	17	
CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (35 Điểm)			
6. CHỈ TIÊU CẢM QUAN	13	9	
a) Kích thước, hình dạng bề ngoài	2	2	

☐ Không đồng đều	0		
☐ Không đồng đều, chấp nhận được	1		
☐ Đồng đều****	2	2	
<i>Ghi chú: Không xem xét các chỉ tiêu khác nếu sản phẩm có các tạp chất có nguy cơ cao ảnh hưởng đến vệ sinh ATTP như ruồi bọ, lông, len, cát sỏi....</i>			
b) Màu sắc, độ chín	5	3	
☐ Không phù hợp	0		
☐ Chấp nhận được	1		
☐ Tương đối phù hợp	2		
☐ Phù hợp****	3	3	
☐ Rất phù hợp	5		
c) Mùi/vị	3	2	
☐ Kém	0		
☐ Trung bình	1		
☐ Tương đối tốt	2	2	
☐ Tốt	3		
d) Tính đầy đủ về sản phẩm, sạch	3	2	
☐ Tương đối chấp nhận được	0		
☐ Chấp nhận được	1		
☐ Tốt	2	2	
☐ Rất tốt	3		
7. DINH DƯỠNG		2	
<i>(Chỉ ra hàm lượng của các chỉ tiêu dinh dưỡng như: Protit, Lipid, Vitamin,... (theo phiếu kiểm nghiệm do cơ quan có thẩm quyền cấp)</i>	2		
☐ Không có	0		
☐ Có 1 - 2 chỉ tiêu	1		
☐ Có trên 2 chỉ tiêu	2	2	
8. TÍNH ĐỘC ĐÁO		1	
<i>(Chất lượng: Có nét riêng, khác biệt, có dấu hiệu nhận biết rõ ràng so với sản phẩm khác, tiềm năng thành thương hiệu của địa phương)</i>	5		
☐ Trung bình	0		
☐ Tương đối độc đáo	1	1	
☐ Độc đáo, mang tính đặc trưng****	3		
☐ Rất độc đáo và có tính đặc trưng	5		
9. CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM	5	0	

a) Công bố tiêu chuẩn sản phẩm của cơ sở sản xuất			
<i>(Khuyến khích cơ sở xây dựng, công bố Tiêu chuẩn sản phẩm)</i>	2	0	
☐ Không có Bản công bố tiêu chuẩn sản phẩm/chất lượng	0		
☐ Có tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm	1		
☐ Có công bố tiêu chuẩn/chất lượng sản phẩm theo quy định***	2		
<i>Ghi chú: Bản Tiêu chuẩn sản phẩm cần có phiếu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP</i>			
b) Kiểm tra định kỳ các chỉ tiêu ATTP theo quy định	3	0	
<i>(Phiếu kiểm nghiệm định kỳ các chỉ tiêu ATTP)</i>			
☐ Không có	0		
☐ Có, nhưng không đạt	1		
☐ Có, đạt nhưng không đủ	2		
☐ Có, đạt đầy đủ (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc BVTV, phụ gia, hóa chất không mong muốn,...) theo quy định.	3		
10. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM	5	2	
☐ Không có hoạt động kiểm soát chất lượng sản phẩm	0		
☐ Có kế hoạch kiểm soát nội bộ chất lượng sản phẩm	1		
☐ Có kế hoạch kiểm soát nội bộ gắn với truy xuất nguồn gốc theo quy định***	2	2	
☐ Có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến của Việt Nam (VietGAP/hữu cơ/..)****	3		
☐ Có chứng nhận quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đủ điều kiện ATTP cho xuất khẩu và các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của thị trường đích*****	5		
<i>Ghi chú: Không đánh giá các bước tiếp theo nếu Chứng nhận đủ điều kiện ATTP (hoặc tương đương) không phù hợp theo quy định</i>			
11. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐỂ ĐẢM BẢO SẢN PHẨM CÓ CHẤT LƯỢNG TỐT NHẤT CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG	2	1	
☐ Có hướng dẫn sử dụng sản phẩm đơn giản	1	1	

☐ Có hướng dẫn sử dụng chi tiết, cụ thể để đảm bảo chất lượng sản phẩm*****	2		
12. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU	3	2	
☐ Có thể xuất khẩu đến thị trường khu vực Đông Nam Á	1		
☐ Có thể xuất khẩu các thị trường ngoài khu vực Đông Nam Á	2	2	
☐ Có thể xuất khẩu đến các thị trường có tiêu chuẩn cao (Mỹ, Nhật, EU...)	3		
TỔNG CỘNG (Điểm)	100	53 ✓	

Ghi chú: Dấu sao là yêu cầu tối thiểu phải đạt theo các cấp độ sao (*** -3 sao; **** - 4 sao; ***** - 5 sao)

Ý kiến của người đánh giá:

HTX mới thành lập nên các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm và tiếp thị sản phẩm chưa được hoàn thiện toàn diện.

.....
.....
.....
.....

Liên Hà, ngày
15 tháng 09
năm 2023

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ
họ tên)



Bùi Quang Tiến

BIỂU SỐ 3. MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LIÊN HÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 198 /BC-UBND

Liên Hà, ngày 08 tháng 11 năm 2023.

BÁO CÁO

**Về việc đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá
sản phẩm OCOP**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà;
- Hội đồng OCOP huyện Lâm Hà.

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

1. Tên chủ thể: Hợp tác xã sản xuất – thương mại – dịch vụ sầu riêng Thành Công.
2. Loại hình tổ chức: Hợp tác xã nông nghiệp.
3. Địa chỉ: Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.
4. Điện thoại: 0967 40 66 80; Email: sauriengthanhcong@gmail.com
5. Tên người đại diện pháp luật:
 - Họ và tên: Bùi Quang Tiến.
 - Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: Thôn Sinh Công, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.
6. Sản phẩm đăng ký đánh giá: Sầu riêng tươi.

II. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

1. Về sử dụng nguyên liệu địa phương:

- Hợp tác xã sản xuất – thương mại – dịch vụ sầu riêng Thành Công đã hình thành vùng nguyên liệu tập trung trên địa bàn hai xã Liên Hà và Tân Thanh của huyện Lâm Hà. Đã có 03 vùng trồng được đăng ký mã vùng trồng với tỉnh Lâm Đồng, mỗi vùng trồng có diện tích tối thiểu 10 ha sầu riêng đang thu. HTX sẽ tiếp tục đăng ký 10 mã vùng trồng cho các hộ xã viên còn lại.

- Giống sầu riêng chủ lực của HTX là Monthong (Thái) chiếm 70% diện tích trồng. Giống Ri6 chiếm 10 % diện tích đã trồng. Musang King là giống sầu HTX bắt đầu trồng nhiều hơn, hiện chiếm 20% diện tích trồng.

- Tổng sản lượng sản xuất và thu mua nguyên liệu quả sầu riêng tươi của HTX Thành Công là khoảng 150 tấn/năm, 100% từ diện tích các thành viên của HTX.

2. Về sử dụng lao động địa phương: Hợp tác xã sản xuất – thương mại – dịch vụ sầu

riêng Thành Công hiện tại đang sử dụng 50 lao động tại địa phương, trong đó 15 lao động lao động thường xuyên.

3. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm: Góp phần phát triển và nâng cao nông sản thể mạnh của địa phương xã Liên Hà.

4. Bản sắc/trí tuệ địa phương: Tạo việc làm và tăng thu nhập cho các thành viên của Hợp tác xã sản xuất – thương mại – dịch vụ sầu riêng Thành Công, và một số bà con liên kết sản xuất sầu riêng trên địa bàn xã Liên Hà.

Ủy ban nhân dân xã Liên Hà đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho sản phẩm sầu riêng tươi của Hợp tác xã SX – TM – DV sầu riêng Thành Công.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Hợp tác xã sản xuất – thương mại – dịch vụ sầu riêng Thành Công;
- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ LIÊN HÀ

PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Xuân Thủy